

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2022

V/v Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thương

2. Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 322/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXX- ST ngày 28 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 133/2022/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa:

- **Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992**

- **Bị đơn:** **Anh Thiệu Văn C, sinh năm 1991**

HKTT: Số 02 N, phường P, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị T; Vắng mặt anh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Thiệu Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/11/2017 tại UBND phường P, thành phố H, tỉnh Thanh Hóa và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng cũng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay chị xác định tình

cảm giữa chị và anh C không còn, nên đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thanh Hoá giải quyết cho chị được ly hôn anh Thiệu Văn C.

- Về con chung: Chị và anh Thiệu Văn C có 01 con chung là cháu Thiệu Bảo A, sinh ngày 03/6/2018. Nguyên vọng của chị T khi ly hôn giao cháu Bảo A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

- Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Thiệu Văn C và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Triệu tập anh C đến Toà án để tự khai cũng như tham gia phiên họp và hoà giải. Mặc dù được giao các thông báo hợp lệ nhưng anh C không đến Toà án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Toà án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng. Tại biên bản xác minh do địa phương cung cấp thể hiện: Chị T và anh C kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P. Sau khi kết hôn, chị T và anh C chung sống cùng bố mẹ chồng. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách trái ngược nhau, bất đồng quan điểm sống. Năm 2019 chị Thu bỏ đi nơi khác sinh sống, hiện chưa thấy quay trở lại. Nay chị T có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ thời điểm thụ lý vụ án đến nay đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn: Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn nhưng anh C không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28,35,39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Thiệu Văn C. Về con chung: Giao cháu Thiệu Bảo A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Về tài sản: Không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Thiệu Văn C vắng mặt tại phiên tòa, anh C đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Chị T đề nghị Toà án tiến hành xét xử vụ án, nên Toà án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vắng mặt anh C là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Thiệu Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện.

Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị T không còn tình cảm với anh C; Vợ chồng đã sống ly thân và hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã phân tích, động viên chị T nên suy nghĩ kỹ trước khi quyết định việc ly hôn nhưng chị T vẫn cương quyết xin ly hôn anh C. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh C nhiều lần để hòa giải nhưng anh C vẫn vắng mặt, gia đình anh C cũng đã khuyên nhủ để vợ chồng quay về sống cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng anh C không có phương án cải thiện tình cảm vợ chồng, không có thiện chí hòa giải để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai vợ chồng không đạt được. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn anh Thiệu Văn C.

[3] Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung là cháu Thiệu Bảo A, sinh ngày 03/6/2018. Nguyên vọng của chị T khi ly hôn giao cháu Bảo A cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy: Anh C không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên hòa giải, không có ý kiến về con chung. Cháu Bảo A còn nhỏ và ở với mẹ từ khi anh chị sống ly thân đến nay. Để đảm bảo cuộc sống, sinh hoạt của cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị T yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình thì cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Căn cứ mức sống và thu nhập bình quân trên địa bàn thành phố Thanh Hóa thì hiện nay, anh C là người có khả năng lao động, có thu nhập. Theo ông Thiệu Văn M là bố đẻ anh C khai anh C đang làm nấu ăn cho các nhà hàng trên địa bàn thành phố Thanh Hóa, nên yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng của chị T là phù hợp. Do đó chấp nhận yêu cầu

của chị T, anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ từ khi xét xử sơ thẩm cho đến lúc cháu Bảo A đủ 18 tuổi.

Giành cho anh Thiệu Văn C quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

[5] Về tài sản: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Thiệu Văn C.
- Về con chung: Công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Thiệu Văn C có 01 con chung là cháu Thiệu Bảo A, sinh ngày 03/6/2018. Giao cháu Bảo A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 9 năm 2022 cho đến khi cháu Bảo A đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Anh C có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

- Về tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001962 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Anh Thiệu Văn C phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát cấp cao;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP H;
- Chi cục THA - TP H;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ .

Đã ký

Trương Thị Anh